

NGHỊ QUYẾT

Phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số Điều của Luật Dân quân tự vệ và tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2011/NQ-HĐND ngày 26/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chế độ chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Xét Tờ trình số 1732/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết phê duyệt Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X Kỳ họp thứ nhất thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Quốc phòng, Nội vụ, Tài chính, LĐ-TB&XH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Lưu: VT.VP ĐDBQH và HĐND tỉnh.



Nguyễn Thành Tâm

ĐỀ ÁN

**Tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ,
chính sách cho Dân quân tự vệ giai đoạn 2021-2025**

Phần I

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT

Dự báo tình hình thế giới, khu vực trong thời gian tới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; trên biển Đông, Trung Quốc gia tăng các hoạt động vi phạm chủ quyền biển, đảo Việt Nam. Tình hình Campuchia có những diễn biến mới. Mỹ và Trung Quốc tăng cường các hoạt động để tranh giành sự ảnh hưởng, thực hiện mưu đồ chiến lược chi phối chiến trường Campuchia. Trong nước, các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu “Diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến, tự chuyển hóa” nhằm tạo ra những điểm nóng gây mất ổn định an ninh chính trị.

Trên địa bàn tỉnh tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững ổn định, quốc phòng, an ninh được củng cố và tăng cường; các chính sách xã hội, công tác an sinh xã hội luôn được quan tâm chăm lo toàn diện; đời sống vật chất tinh thần của Nhân dân được cải thiện, nhận thức về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân ngày càng được nâng cao, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng địa phương. Song, trên tuyến biên giới vẫn còn một số vụ vi phạm hiện trạng biên giới, buôn lậu, vượt biên trái phép; trong nội địa, tình hình tệ nạn xã hội, tội phạm vẫn còn diễn biến phức tạp, hoạt động của các phần tử tôn giáo cực đoan, phần tử xấu lợi dụng các vấn đề giải quyết của chính quyền địa phương liên quan đến đất đai, chế độ lương, thưởng của các công ty, doanh nghiệp để kích động Nhân dân khiếu kiện, công nhân đình công, lãn công gây mất ổn định về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch toàn cầu Covid-19 diễn biến phức tạp kéo dài. Các yếu tố trên sẽ tác động, ảnh hưởng đến lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội, đời sống của Nhân dân, tình hình thực hiện nhiệm vụ của lực lượng vũ trang tỉnh nói chung và công tác xây dựng Dân quân tự vệ (DQTV) nói riêng trên địa bàn.

Ngày 22/11/2019, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật DQTV, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Theo đó, Luật giao Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV.

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của địa phương, đòi hỏi phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng DQTV thống nhất, phù hợp với địa

phương, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, sẵn sàng phối hợp các lực lượng chức năng tham gia xử lý các tình huống xảy ra trên địa bàn, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở trong thời bình và chuẩn bị nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa khi có chiến tranh. Do đó, việc xây dựng Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021-2025 là hết sức cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý

- Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với lực lượng DQTV và lực lượng Dự bị động viên trong tình hình mới.

- Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 ngày 22/11/2019.

- Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với DQTV.

- Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định về hoạt động phối hợp của DQTV.

- Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng Quy định một số điều của Luật DQTV về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho DQTV.

- Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng Quy định thực hiện một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng DQTV.

- Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng Quy định về trang bị, đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của DQTV.

- Công văn số 794-CV/TU ngày 11/9/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng DQTV, Dự bị động viên trong tình hình mới.

- Công văn số 816/DQ-TCLL ngày 27/8/2020 của Cục Dân quân tự vệ/Bộ Tổng Tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam về việc lập Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021-2025.

- Công văn số 2355/BTL-TM ngày 06/8/2020 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 về việc triển khai thực hiện Luật DQTV năm 2019.

- Kế hoạch số 2881/KH-BTL ngày 30/9/2020 của Bộ Tư lệnh Quân khu 7 về xây dựng mô hình điểm Dân quân tự vệ.

2. Căn cứ thực tiễn

Những năm qua Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt Luật DQTV, Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng DQTV và lực lượng Dự bị động viên trong tình hình mới; Nghị định của Chính phủ, văn bản hướng dẫn thi hành luật và các đề án, kế hoạch của tỉnh về thực hiện công tác DQTV trên địa bàn tỉnh đã từng bước đi vào nền nếp, đạt chất lượng và hiệu quả thiết thực.

Công tác xây dựng lực lượng DQTV được các cấp, các ngành và địa phương quan tâm chỉ đạo, xây dựng đủ thành phần lực lượng theo quy định, thực hiện tốt phương châm xây dựng lực lượng DQTV “Vững mạnh, rộng khắp”. Đến nay, DQTV toàn tỉnh đạt 1,50% so với dân số. Tỷ lệ Đảng viên trong DQTV đạt 22,94 %, riêng trong dân quân đạt 18,06%. Đội ngũ cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã luôn được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo củng cố kiện toàn, nâng cao chất lượng; 100% Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã tham gia cấp ủy địa phương. Đội ngũ cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã qua đào tạo chuyên ngành quân sự cơ sở đạt 81,91%, nhiều đồng chí phát triển, đảm nhiệm các chức vụ cao hơn, góp phần nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở.

Công tác giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự cho DQTV luôn được quan tâm chỉ đạo, thực hiện đúng quy định; công tác phối hợp hoạt động giữa lực lượng Dân quân với Công an, Biên phòng, Kiểm lâm và các lực lượng chức năng có liên quan tham gia cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng chống dịch bệnh đạt nhiều hiệu quả thiết thực, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện để địa phương phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội được cấp ủy, chính quyền địa phương, các ban, ngành, đoàn thể và Nhân dân tin tưởng, đồng tình ủng hộ nhất trí cao.

Việc thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm ngân sách hoạt động cho DQTV, đảm bảo ngân sách cho công tác quân sự, quốc phòng địa phương hàng năm luôn được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời. Ngoài ra, các địa phương đã quan tâm đầu tư xây dựng các công trình phổ thông, công trình chiến đấu và tạo quỹ đất cho Ban CHQS cấp xã, chót dân quân thường trực biên giới tăng gia sản xuất để cải thiện đời sống, tăng thu nhập; hỗ trợ xây nhà tình nghĩa cho cán bộ, chiến sĩ dân quân; bảo đảm trang bị các phương tiện nghe nhìn và trang bị tủ sách pháp luật để phục vụ nhu cầu học tập, sinh hoạt cho DQTV.

Tuy nhiên trong quá trình tổ chức thực hiện công tác xây dựng lực lượng DQTV trên địa bàn tỉnh theo Luật DQTV và các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn còn một số mặt hạn chế, bất cập như: Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành có liên quan trong việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền ở một số địa phương về quản lý Nhà nước thực hiện Luật DQTV có thời điểm chưa kịp thời, đồng bộ và chặt chẽ; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về DQTV ở một số đơn vị, địa phương chưa được thường xuyên, liên tục, ảnh hưởng đến việc xây dựng lực lượng DQTV hàng năm; vai trò của một số cấp ủy ở cơ sở chưa được tập trung đúng mức nên công tác phát triển đảng viên trong lực lượng DQTV còn thấp; trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ DQTV không đồng đều nên việc tham mưu, đề xuất cấp ủy, chính quyền địa

phương lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng lực lượng dân quân có nội dung hiệu quả chưa cao; việc chỉ đạo tổ chức hoạt động của DQTV ở một số địa phương chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; ngân sách bảo đảm hoạt động đối với DQTV ở các địa phương, cơ sở có lúc chưa đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ tình hình hiện nay như: Chế độ, chính sách cho cán bộ cấp xã còn thấp, chưa tương xứng hoạt động đặc thù quốc phòng, quân sự và mức sống tối thiểu của người lao động tại địa phương, dẫn đến một số cán bộ xin nghỉ việc.

Phần II

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM

1. Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phải bám sát Luật DQTV năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật; các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng lực lượng vũ trang; cụ thể hóa các yêu cầu, nhiệm vụ trong Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW ngày 05/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với lực lượng Dân quân tự vệ (DQTV) và lực lượng Dự bị động viên trong tình hình mới; Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Tây Ninh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Quân khu lần thứ X nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương, đồng thời nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải xây dựng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV trên địa bàn tỉnh phù hợp với các nội dung định hướng chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

3. Huy động được mọi nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia xây dựng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Xây dựng DQTV trên địa bàn tỉnh thật sự là lực lượng bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của cơ quan, tổ chức ở địa phương, cơ sở; phối hợp cùng với các lực lượng và Nhân dân bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia; bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ rừng, môi trường và hoạt động phòng thủ dân sự khác.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng DQTV trên địa bàn tỉnh đạt tỷ lệ từ 1,23 đến 1,6% so với dân số; tỷ lệ đảng viên DQTV đạt 25%, riêng đảng viên trong dân quân đạt 20% trở lên;

100% chi bộ quân sự có chi ủy; 100% Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn (gọi chung Ban Chỉ huy quân sự cấp xã) tham gia cấp ủy địa phương và thành viên UBND cùng cấp; tỷ lệ Đoàn viên trong DQTV đạt 65% trở lên; 95% trở lên Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đạt vững mạnh toàn diện.

- Tuyển chọn, cử cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đi đào tạo cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở đến năm 2025 có 80% đến 90% cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đạt trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở theo quy định.

- Hàng năm cán bộ, chiến sĩ DQTV được tập huấn, bồi dưỡng, giáo dục chính trị, pháp luật và huấn luyện quân sự theo quy định, tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả 100% đạt yêu cầu, có 70% trở lên đạt khá, giỏi.

- 100% Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và đơn vị DQTV sẵn sàng chiến đấu tốt. Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh hệ thống văn kiện sẵn sàng chiến đấu của DQTV đúng quy định. Hàng năm, tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã cho 25% đến 30%; tổ chức và tham gia hội thi, hội thao DQTV đạt nhiều thứ hạng cao.

- Bảo đảm đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho DQTV đúng Luật DQTV và văn bản hướng dẫn thi hành luật; tổ chức đăng ký, quản lý, sử dụng trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của DQTV đúng pháp luật.

III. PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

Đề án được triển khai thực hiện ở các cấp, các ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh với các nội dung chính như: Tổ chức, biên chế, số lượng DQTV; tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập; hoạt động của DQTV; bảo đảm sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021- 2025.

Phần III

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ

1. Tổ chức Dân quân tự vệ (Phụ lục I, II, III, IV, V).

- Ấp, khu phố tổ chức tiểu đội dân quân tại chỗ.
- Cấp xã tổ chức tổ dân quân trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế; khẩu đội dân quân Cối 60mm; tiểu đội dân quân thường trực, trung đội dân quân cơ động.
- Huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện) tổ chức tiểu đội dân quân thường trực, trung đội DQTV phòng không, pháo binh; đại đội dân quân cơ động.
- Cấp tỉnh tổ chức đại đội DQTV phòng không, pháo binh, đại đội dân quân thường trực.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tổ chức tiểu đội, trung đội tự vệ.

1.1. Tổ chức, biên chế Dân quân tự vệ

a) Dân quân cơ động

- Cấp huyện: Tổ chức 01 đại đội.
- Cấp xã: Tổ chức 01 trung đội.
- b) Dân quân thường trực
 - Cấp huyện: Tổ chức 01 tiểu đội.
 - Cấp xã:
 - + Xã biên giới tổ chức 01 tiểu đội. Riêng các xã có chốt dân quân biên giới tổ chức mỗi chốt 01 tiểu đội.
 - + Xã trọng điểm về quốc phòng tổ chức 01 tiểu đội.
 - + Xã nội địa tổ chức 01 tiểu đội thiếu 01 tổ.
- c) Dân quân tại chỗ: Mỗi ấp, khu phố tổ chức 01 tiểu đội.
- d) Dân quân tự vệ phòng không
 - Cấp tỉnh: Tổ chức 02 đại đội tự vệ Pháo phòng không 37mm-1 trên địa bàn huyện Gò Dầu và Thành phố Tây Ninh.
 - Cấp huyện: Tổ chức 01 trung đội DQTV súng máy phòng không 12,7 mm.
- đ) Dân quân tự vệ pháo binh
 - Cấp tỉnh: Tổ chức 02 đại đội tự vệ Pháo binh 76,2mm trên địa bàn huyện Tân Biên, thị xã Hòa Thành.
 - Cấp huyện: Tổ chức 01 trung đội DQTV ĐKZ 82mm; 01 trung đội DQTV Cối 82mm.
 - Cấp xã: Tổ chức 01 khẩu đội dân quân Cối 60mm.
- e) Dân quân Công binh, Thông tin, Trinh sát, Phòng hóa, Y tế: Cấp xã tổ chức mỗi binh chủng 01 tổ.
- f) Tổ chức lực lượng tự vệ
 - Đơn vị tự vệ của cơ quan, tổ chức thuộc sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh, cấp huyện: Tổ chức từ 01 tiểu đội đến 01 trung đội.
 - Đơn vị tự vệ của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập trên địa bàn: Tổ chức 01 tiểu đội tự vệ trở lên.
- 1.2. Số lượng Dân quân tự vệ
 - Toàn tỉnh: Xây dựng DQTV đạt tỷ lệ 1,23% đến 1,6% so với dân số.
 - Cấp huyện: Xây dựng DQTV đạt tỷ lệ từ 0,84% đến 1,78% so với dân số.
 - Cấp xã: Do UBND cấp huyện giao chỉ tiêu xây dựng cụ thể.
 - Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: Xây dựng lực lượng tự vệ đạt từ 10% đến 20% so với tổng số cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động.
- 1.3. Chất lượng Dân quân tự vệ
 - Hàng năm làm tốt công tác phát triển đảng viên mới; tập trung bồi dưỡng

kết nạp đảng viên là cán bộ ấp, khu đội trưởng, tiểu đội trưởng, trung đội trưởng dân quân; đồng thời tham mưu cho cấp ủy địa phương xác định chỉ tiêu kết nạp đảng viên theo Nghị quyết của Đảng ủy Quân khu 7, của Tỉnh ủy và Đảng ủy Quân sự tỉnh.

- Phần đầu tỷ lệ đảng viên DQTV đến năm 2025, đạt 25% trở lên (riêng đảng viên trong lực lượng dân quân 20%); 100% chi bộ quân sự có chi ủy; 100% Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã tham gia cấp ủy địa phương và thành viên UBND cùng cấp; 100% đại đội DQTV, trung đội dân quân cơ động có tổ đảng; 100% trung đội DQTV bình chủng, tiểu đội dân quân thường trực, chốt dân quân thường trực có đảng viên; 100% cán bộ ấp, khu đội trưởng kiêm tiểu đội trưởng dân quân tại chỗ là đảng viên; tỷ lệ Đoàn viên trong DQTV đạt 65% trở lên; 80-90% cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở; 95% trở lên Ban Chỉ huy quân sự cấp xã đạt đơn vị vững mạnh toàn diện.

2. Tổ chức xây dựng điểm các đơn vị DQTV

- Cấp tỉnh: Tổ chức 02 đại đội dân quân thường trực (Sử dụng lực lượng dân quân thường trực của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã trong thời gian huy động tập trung huấn luyện nâng cao tại tỉnh và sẵn sàng phối hợp các lực lượng chức năng tham gia xử lý các tình huống trên địa bàn tỉnh).

- Huyện, thị xã biên giới tiếp tục xây dựng và duy trì hoạt động của 32 chốt dân quân thường trực biên giới. Riêng huyện Tân Châu xây dựng mô hình điểm toàn diện về tổ chức lực lượng, huấn luyện và hoạt động của Chốt dân quân thường trực Mít Mọi.

- Huyện Gò Dầu, Dương Minh Châu, thị xã Trảng Bàng tiếp tục duy trì hoạt động tiểu đội dân quân thường trực trong khu công nghiệp (mỗi đơn vị tổ chức 01 tiểu đội).

- Huyện Gò Dầu, Dương Minh Châu, thị xã Trảng Bàng tiếp tục duy trì hoạt động trung đội tự vệ trong khu công nghiệp có yếu tố nước ngoài (mỗi đơn vị tổ chức 01 trung đội).

3. Ban Chỉ huy quân sự và cán bộ Dân quân tự vệ

3.1. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

- Là cơ quan thường trực công tác quốc phòng ở cấp xã. Thành phần gồm: Chỉ huy trưởng là thành viên UBND cấp xã, sỹ quan dự bị; trong tình trạng khẩn cấp về Quốc phòng, tình trạng chiến tranh được gọi vào phục vụ tại ngũ theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng; Chính trị viên do Bí thư cấp ủy cấp xã đảm nhiệm; Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã đảm nhiệm; Phó Chỉ huy trưởng là cán bộ hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

- Đối với đơn vị hành chính cấp xã loại 1, xã biên giới: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã được bố trí 05 đồng chí, gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó và 02 đồng chí Phó Chỉ huy trưởng.

- Đối với đơn vị hành chính cấp xã loại 2: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã được bố

trí 04 đồng chí, gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó và 01 đồng chí Phó Chỉ huy trưởng.

3.2. Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức

- Làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, được bố trí 04 đồng chí, gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó và Phó Chỉ huy trưởng.

- Thành phần gồm: Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức kiêm nhiệm; Chính trị viên và Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm, Phó Chỉ huy trưởng là cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

3.3. Cán bộ quản lý, chỉ huy Dân quân tự vệ

- Cán bộ chỉ huy tiểu đội trưởng, trung đội trưởng, khẩu đội trưởng bố trí 01 cấp trưởng.

- Cán bộ chỉ huy đại đội gồm: Đại đội trưởng, Chính trị viên, Chính trị viên phó và Phó đại đội trưởng.

- Cán bộ ấp, khu đội trưởng kiêm chỉ huy tiểu đội trưởng dân quân tại chỗ.

II. ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG, HUẤN LUYỆN, HỘI THI, HỘI THAO, DIỄN TẬP

1. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ Dân quân tự vệ

1.1. Đào tạo cán bộ quân sự Ban CHQS cấp xã: Hàng năm, xét tuyển các đối tượng là cán bộ, chiến sỹ dân quân, đoàn viên thanh niên, đảng viên, quân nhân, công an xuất ngũ đang công tác tại địa phương, cơ sở và trong nguồn quy hoạch cán bộ quân sự cấp xã đi đào tạo cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở từ 40 đến 50 học viên/năm; bảo đảm 100% Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã phải qua đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở; đến năm 2025 có 80% đến 90% đạt trình độ cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở.

1.2. Phân cấp tập huấn cán bộ Dân quân tự vệ

a) Cấp tỉnh

- Đối tượng: Cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức trực thuộc tỉnh, huyện; cán bộ đại đội, chỉ huy đơn vị tự vệ (nơi không có Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức), cán bộ trung đội, khẩu đội DQTV Phòng không, Pháo binh.

- Nội dung, chương trình: Thực hiện theo Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ quốc phòng Quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho DQTV.

- Thời gian: 07 ngày/năm.

- Địa điểm: Do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh xác định.

b) Cấp huyện

- Đối tượng: Cán bộ trung đội trưởng, ấp, khu đội trưởng; cán bộ tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng 12,7mm, 14,5mm, ĐKZ, cối 82mm, cối 60mm.

- Nội dung, chương trình: Thực hiện theo Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ quốc phòng Quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho DQTV.

- Thời gian: 05 ngày/năm.

- Địa điểm: Tại Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện.

1.3. Bồi dưỡng cán bộ Dân quân tự vệ

- Đối tượng: Cán bộ giữ các chức vụ chỉ huy Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức trực thuộc tỉnh, huyện; chỉ huy đơn vị tự vệ.

- Nội dung, chương trình: Thực hiện theo Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ quốc phòng Quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho DQTV.

- Thời gian 07 ngày/năm.

- Địa điểm: Do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh xác định.

2. Giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ

2.1. Phân cấp tổ chức huấn luyện Dân quân tự vệ

a) Cấp tỉnh: Tổ chức giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự cho đại đội DQTV pháo binh, phòng không và lực lượng Dân quân thường trực được huy động làm nhiệm vụ theo mệnh lệnh của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

b) Cấp huyện: Tổ chức giáo dục chính trị, pháp luật, huấn luyện quân sự cho đơn vị DQTV tổ chức ở cấp huyện; DQTV năm thứ nhất, đơn vị DQTV trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế và khẩu đội cối của cấp xã. Căn cứ vào tình hình của địa phương, có thể tổ chức huấn luyện theo cụm xã.

c) Cấp xã: Tổ chức huấn luyện cho đơn vị dân quân thường trực, cơ động, tại chỗ ở cấp xã.

d) Ban CHQS cơ quan, tổ chức, đơn vị tự vệ: Tổ chức huấn luyện cho đơn vị tự vệ ở cơ quan, tổ chức.

2.2. Phân cấp phê duyệt kế hoạch huấn luyện Dân quân tự vệ

a) Cấp tỉnh: Do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan phối hợp xây dựng kế hoạch, trình Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh phê duyệt.

b) Cấp huyện: Do Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện chỉ đạo các cơ quan có liên quan phối hợp xây dựng kế hoạch, trình Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện phê duyệt.

c) Cấp xã, cơ quan, tổ chức: Do Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức xây dựng kế hoạch, trình Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện phê duyệt.

2.3. Thời gian tổ chức huấn luyện Dân quân tự vệ

a) Chiến sỹ DQTV năm thứ nhất: Tổ chức huấn luyện 15 ngày/năm (trừ dân quân thường trực).

b) Chiến sỹ DQTV năm thứ hai trở đi đối với DQTV cơ động, phòng không, pháo binh, công binh, thông tin, trinh sát, phòng hóa, y tế: Tổ chức huấn luyện 12 ngày/năm.

c) Chiến sỹ DQTV tại chỗ: Tổ chức huấn luyện 07 ngày/năm.

d) Chiến sỹ dân quân thường trực: Tổ chức huấn luyện 60 ngày/năm. Riêng lực lượng dân quân thường trực luân phiên tập trung tại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh huấn luyện nâng cao và sẵn sàng phối hợp với các lực lượng tham gia xử trí các tình huống (thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu và của Tỉnh ủy): Tổ chức huấn luyện 90 ngày/năm.

2.4. Tham gia hội thi, hội thao

- Hội thao: Cấp tỉnh 05 năm tổ chức 02 lần; cấp huyện mỗi năm tổ chức 01 lần.

- Hội thi: Căn cứ tình hình cụ thể, các địa phương, cơ sở tổ chức toàn diện hoặc chuyên đề.

2.5. Diễn tập cho Dân quân tự vệ

- Mục tiêu, yêu cầu, nội dung, tổ chức, phương pháp do cấp tổ chức diễn tập quyết định.

- Thời gian diễn tập:

+ Tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã, trong nhiệm kỳ đại hội Đảng phải tổ chức ít nhất 01 lần. Thời gian diễn tập tối thiểu 01 ngày, đêm.

+ Tham gia diễn tập phòng thủ dân sự ở cấp xã do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Mọi hoạt động của lực lượng DQTV trong sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu và hoạt động phối hợp trong bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, vùng trời; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm... và các hoạt động khác phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức; sự chỉ huy trực tiếp của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và chỉ huy, chỉ đạo của cơ quan quân sự cấp trên.

2. Nhiệm vụ, nội dung, chế độ hoạt động của DQTV thực hiện theo Luật DQTV năm 2019, Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định về hoạt động phối hợp của DQTV, Thông tư số 43/2020/TT-BQP ngày 23/4/2020 của Bộ Quốc phòng Quy định chế độ sẵn sàng chiến đấu và kế hoạch về DQTV và Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng Quy định thực hiện một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng DQTV.

IV. BẢO ĐẢM SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, HUẤN LUYỆN, HOẠT ĐỘNG CHO DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Vũ khí, vật liệu nổ quân dụng: Thực hiện theo Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng Quy định về trang bị, đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của DQTV.

2. Công cụ hỗ trợ, vũ khí thô sơ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật

2.1. Đối tượng được trang bị

- Lực lượng dân quân cơ động, dân quân thường trực, DQTV tại chỗ.
- Lực lượng DQTV được huy động làm nhiệm vụ theo chỉ thị, mệnh lệnh, kế hoạch của cấp có thẩm quyền.

2.2. Trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của DQTV: Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, đơn vị DQTV được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật cho DQTV theo quy định của pháp luật về DQTV.

3. Bảo đảm cơ sở, vật chất (Phụ lục VI).

3.1. Trụ sở làm việc của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã: Được bố trí trụ sở làm việc riêng, có phòng làm việc theo chức danh.

3.2. Trang thiết bị làm việc

- Ban Chỉ huy quân sự cấp xã: Tiêu chuẩn, định mức thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với DQTV.

- Chốt dân quân thường trực biên giới, chốt dân quân thường trực trong khu, cụm công nghiệp: Bàn ghế giao ban, hội họp; tủ đựng công cụ hỗ trợ; tủ đựng trang phục DQTV dùng chung; bàn ghế làm việc cá nhân; máy vi tính, máy in; bảng lịch công tác.

3.3. Bảo đảm báo chí, vật chất tinh thần

- Bảo đảm báo chí

+ Hàng ngày, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức sở, ban, ngành tỉnh, huyện và đơn vị dân quân thường trực được cấp 01 số báo Quân đội Nhân dân.

+ UBND tỉnh bảo đảm kinh phí mua báo cho Ban Chỉ huy quân sự cấp xã Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức sở, ban, ngành tỉnh, huyện và đơn vị dân quân thường trực; các cơ quan Trung ương đứng trên địa bàn tỉnh, doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp ngoài Nhà nước bảo đảm kinh phí mua báo cho Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và đơn vị tự vệ mình.

- Vật chất tinh thần: Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Chốt Dân quân thường trực biên giới và Chốt dân quân thường trực khu, cụm công nghiệp được trang bị thiết bị nghe, nhìn gồm: 01 ti vi 32 inch, 01 đầu thu KTS mặt đất, 01 đầu DVD và vật chất hoạt động thể thao (bóng đá, bóng chuyền...).

3.4. Vật chất huấn luyện, hoạt động: Thực hiện theo Điều 10 Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15/6/2020 của Bộ Quốc phòng Quy định một số điều của Luật DQTV về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho DQTV.

3.5. Kho, tủ đựng súng cầm tay, nơi cất giữ vật chất, vũ khí, trang bị, công cụ hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 11, 12 Thông tư số 76/2020/TT-BQP ngày 23/6/2020 của Bộ Quốc phòng Quy định về trang bị, đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của DQTV.

V. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI DÂN QUÂN TỰ VỆ

1. Chế độ trang phục, sao mũ, phù hiệu: Tiêu chuẩn cấp phát, niên hạn trang phục, sao mũ, phù hiệu các chức vụ chỉ huy của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, DQTV thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với DQTV (*Phụ lục VII*).

2. Chế độ phụ cấp chức vụ chỉ huy DQTV: Thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp chức vụ chỉ huy DQTV.

- Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: 357.600 đồng/người/tháng.

- Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội DQTV cơ động: 327.800 đồng/người/tháng.

- Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội DQTV cơ động: 312.900 đồng/người/tháng.

- Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội binh chủng; trung đội trưởng dân quân cơ động, trung đội trưởng dân quân thường trực: 298.000 đồng/người/tháng.

- Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội binh chủng: 223.500 đồng/người/tháng.

- Trung đội trưởng DQTV tại chỗ, DQTV binh chủng; tiểu đội trưởng dân quân thường trực: 178.800 đồng/người/tháng.

- Tiểu đội trưởng DQTV cơ động, DQTV tại chỗ, DQTV binh chủng, khẩu đội trưởng: 149.000 đồng/người/tháng.

- Ấp, khu đội trưởng: 178.800 đồng/người/tháng và hưởng thêm 29.800 đồng/người/tháng khi kiêm nhiệm chức vụ tiểu đội trưởng dân quân tại chỗ.

3. Chế độ phụ cấp hàng tháng, tiền ăn; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã; ấp, khu đội trưởng: Thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần của Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, thôn đội trưởng.

a) Đối với Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã

- Được hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng, bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

- Mức phụ cấp hàng tháng thực hiện theo quy định của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

- Trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội, có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên, khi nghỉ việc được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được tính bằng 1,5 tháng mức phụ cấp bình quân của 60 tháng cuối cùng. Trường hợp có tháng lẻ được tính như sau: Dưới 01 tháng không được trợ cấp; từ 01 tháng đến 06 tháng được hưởng trợ cấp bằng 0,8 tháng mức phụ cấp bình quân của 60 tháng cuối cùng; từ 07 tháng đến 11 tháng được hưởng trợ cấp bằng 1,5 tháng mức phụ cấp bình quân của 60 tháng cuối cùng.

b) Đối với ấp, khu đội trưởng: Mức hưởng phụ cấp hàng tháng 1.490.000 đồng/người/tháng thực hiện theo Nghị quyết số 30/2011/NQ-HĐND ngày 26/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

4. Chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, các chức vụ chỉ huy đơn vị DQTV cơ động, dân quân thường trực: Thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã, các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân cơ động, dân quân thường trực.

- Mức phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự được tính bằng 50% tổng phụ cấp hiện hưởng gồm: Phụ cấp hàng tháng, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên.

- Thời gian được hưởng phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự, tính từ ngày có quyết định bổ nhiệm và thực hiện cho đến khi có quyết định thôi giữ chức vụ đó; trường hợp giữ chức vụ từ 15 ngày trở lên trong tháng thì được hưởng phụ cấp cả tháng, giữ chức vụ dưới 15 ngày trong tháng thì được hưởng 50% phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự của tháng đó.

5. Chế độ phụ cấp thâm niên của các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự cấp xã: Thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp thâm niên của các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

a) Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên. Mức phụ cấp được hưởng như sau: Sau 05 năm (đủ 60 tháng) công tác thì được hưởng phụ cấp thâm niên bằng 5% mức lương hiện hưởng và phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) hoặc phụ cấp hàng tháng hiện hưởng; từ năm thứ sáu trở đi mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 1%.

b) Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự cấp xã có thời gian công tác ở các ngành nghề khác nếu được hưởng

phụ cấp thâm niên thì được cộng nối thời gian đó với thời gian giữ các chức vụ chỉ huy Ban chỉ huy quân sự cấp xã để tính hưởng phụ cấp thâm niên. Thời gian tính hưởng phụ cấp thâm niên quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ, nếu có đứt quãng thì được cộng dồn.

c) Chế độ phụ cấp thâm niên được tính trả cùng kỳ lương, phụ cấp hàng tháng và được tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

d) Thời gian không được tính hưởng phụ cấp thâm niên

- Thời gian bị đình chỉ công tác hoặc bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử; thời gian chấp hành hình phạt tù giam; thời gian tự ý nghỉ việc.

- Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương hoặc phụ cấp liên tục từ 01 tháng trở lên.

- Thời gian nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

6. Chế độ, chính sách đối với dân quân khi làm nhiệm vụ (trừ dân quân thường trực): Thực hiện theo Điều 11 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định mức bảo đảm trợ cấp ngày công lao động, tiền ăn, phụ cấp đặc thù đi biển đối với dân quân khi làm nhiệm vụ, trừ dân quân thường trực.

- Mức trợ cấp ngày công lao động 119.200 đồng/người/ngày, trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức trợ cấp tăng thêm 59.600 đồng/người/ngày.

- Mức tiền ăn bằng tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Khi làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú không có điều kiện đi, về hàng ngày thì được bố trí nơi ăn, nơi nghỉ, bảo đảm phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi, về như cán bộ, công chức cấp xã.

7. Chế độ, chính sách đối với Dân quân thường trực: Thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định mức bảo đảm trợ cấp, tiền ăn đối với dân quân thường trực.

- Mức trợ cấp ngày công lao động 119.200 đồng/người/ngày, trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV theo quyết định của cấp có thẩm quyền, mức trợ cấp tăng thêm 59.600 đồng/người/ngày và được bảo đảm nơi ăn, nghỉ.

- Mức tiền ăn bằng tiền ăn cơ bản của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh đang tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Mức trợ cấp một lần cho dân quân thường trực khi được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình, cứ mỗi năm phục vụ trong đơn vị dân quân thường trực được trợ cấp bằng 2.980.000 đồng/người. Trường hợp có tháng lẻ được tính như sau: Dưới 01 tháng không được trợ cấp; từ 01 tháng đến 06 tháng

được hưởng trợ cấp bằng 1.490.000 đồng/người; từ 07 tháng đến 11 tháng được hưởng trợ cấp bằng 2.980.000 đồng/người.

- Mức hưởng các chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Tiêu chuẩn vật chất hậu cần như hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang tại ngũ.

VI. NGUỒN NGÂN SÁCH, LẬP, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH BẢO ĐẢM CHO DÂN QUÂN TỰ VỆ (phụ lục kèm theo)

1. Nguồn ngân sách

- Hàng năm UBND tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm bố trí ngân sách bảo đảm cho tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách đối với lực lượng DQTV theo Luật DQTV số 48/2019/QH14 ngày 22/11/2019; Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với DQTV và Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021-2025 do địa phương quản lý theo phân cấp ngân sách.

- Doanh nghiệp đã tổ chức đơn vị tự vệ có trách nhiệm bố trí kinh phí bảo đảm cho xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng tự vệ. Doanh nghiệp chưa tổ chức tự vệ có trách nhiệm bảo đảm kinh phí cho người lao động của doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV ở địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động theo Luật DQTV số 48/2019/QH14 ngày 22/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

* **Lưu ý:** Định mức hưởng chế độ, chính sách của DQTV quy định tại Điều 7, 8, 11, 12, 13, 15 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với DQTV. UBND tỉnh sẽ trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh trong trường hợp Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở hoặc mức tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang.

2. Lập, chấp hành và quyết toán ngân sách bảo đảm cho Dân quân tự vệ

- Hàng năm, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm lập, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách đảm bảo cho việc tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động và các chế độ, chính sách của lực lượng DQTV theo Luật DQTV số 48/2019/QH14 ngày 22/11/2019; Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với DQTV và Đề án tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách cho DQTV trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 do đơn vị quản lý theo phân cấp trình UBND cùng cấp phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

- Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách đảm bảo cho công tác xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng

tự vệ của đơn vị mình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

- Doanh nghiệp có trách nhiệm bảo đảm kinh phí xây dựng, huấn luyện, hoạt động cho lực lượng tự vệ của doanh nghiệp. Kinh phí bảo đảm cho tự vệ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp. Việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo chế độ kế toán tài chính áp dụng đối với các đơn vị.

Phần IV

LỘ TRÌNH, TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. LỘ TRÌNH

- Năm 2021: Triển khai thực hiện Đề án.
- Năm 2023: Sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm kết quả thực hiện Đề án.
- Năm 2025: Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

II. TRÁCH NHIỆM

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với các sở, ngành tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành các hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước. Theo dõi, kiểm tra các sở, ngành và địa phương tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng việc thực hiện Đề án lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021-2025.

2. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021-2025.

- Hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương thực hiện Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Luật DQTV năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn khen thưởng thực hiện công tác DQTV theo quy định.

- Phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành tổ chức thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết trong việc tổ chức thực hiện Đề án của UBND tỉnh ở các địa phương, cơ sở và tổng hợp báo cáo đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện.

3. Công an tỉnh: Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh và các lực lượng chức năng liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện nghiêm Quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp theo Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định về hoạt động của DQTV. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ

quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp cơ quan Quân sự, Biên phòng, kiểm lâm và các ngành chức năng liên quan xây dựng Quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp theo quy định của pháp luật.

4. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự, Công an tỉnh và các sở, ngành liên quan thực hiện quản lý, bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ biên giới Quốc gia; phát hiện, phối hợp chống lấn chiếm biên giới, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực biên giới theo quy định.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự, Công an tỉnh và các lực lượng chức năng liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện nghiêm Quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp theo Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định về hoạt động của DQTV. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp cơ quan Quân sự, Công an, kiểm lâm và các ngành chức năng liên quan xây dựng Quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp theo quy định của pháp luật.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài Chính, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan thẩm định và tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách thực hiện Đề án của UBND tỉnh theo quy định của Luật DQTV năm 2019, Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, các cơ quan liên quan thẩm định và tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách thực hiện Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Luật DQTV năm 2019 và Luật ngân sách Nhà nước. Định kỳ tổ chức thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các địa phương trong việc lập, chấp hành và quyết toán ngân sách đối với công tác DQTV theo quy định của pháp luật.

7. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương trong việc thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã sau đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở và thực hiện chế độ, chính sách đối với DQTV theo Đề án của UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh xây dựng hướng dẫn liên ngành về thực hiện công tác thi đua, khen thưởng công tác DQTV theo quy định.

- Hàng năm, phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh và các ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh khảo sát, rà soát xác định xã trọng điểm về quốc phòng đề nghị Quân khu 7 trình Bộ Quốc phòng quyết định.

8. Sở Tư pháp: Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục Luật DQTV và các văn bản hướng dẫn thi hành.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh và các lực lượng chức năng liên quan

tham mưu UBND tỉnh thực hiện nghiêm Quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật DQTV về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với DQTV; Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định về hoạt động của DQTV. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp cơ quan Quân sự, Biên phòng, Công an và các ngành chức năng liên quan xây dựng Quy chế, kế hoạch hoạt động phối hợp theo quy định của pháp luật.

10. Các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị- xã hội có liên quan: Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức triển khai, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021-2025. Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng tự vệ theo quy định của Luật DQTV năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật; tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết và thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng công tác DQTV thuộc cơ quan, tổ chức.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tây Ninh và các tổ chức chính trị, xã hội tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện Luật DQTV; giám sát việc thực hiện Luật DQTV và các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước cấp ủy cùng cấp và Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện công tác DQTV trên địa bàn; tổ chức quán triệt, triển khai, chỉ đạo các cấp, các ngành thuộc quyền thực hiện Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021-2025 chặt chẽ, chất lượng, hiệu quả.

- Ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác xây dựng lực lượng DQTV trên địa bàn theo thẩm quyền. Xây dựng Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021-2025 của địa phương trình Hội đồng Nhân dân cùng cấp quyết định xong trước tháng 12 năm 2021.

- Định kỳ tổ chức thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng công tác DQTV theo thẩm quyền.

13. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021-2025 của UBND cấp xã.

- Định kỳ tổ chức thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng công tác DQTV theo thẩm quyền.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức quán triệt, triển khai Đề án tổ chức lực lượng, huấn

luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách cho DQTV giai đoạn 2021-2025 xong trong tháng 7 năm 2021 và báo cáo Đề án về UBND tỉnh (qua Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh) để theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận: *g*

- Bộ Quốc phòng;
- Cục DQTV/Bộ Tổng Tham mưu;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 7;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Tây Ninh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VP.UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Ký CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

Phụ lục I
TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ DÂN QUÂN TỰ VỆ

(Kèm theo Đề án số 1720./ĐA-UBND ngày 02./11./2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị DQTV	Tổng số					Thành phần lực lượng DQTV																				
	Quân số	Tổ chức				Tại chỗ		Cơ động		Thường trực		Phòng không		Pháo Bình		Công binh		Thông tin		Trình sát		Phòng hóa		Y tế		
		Đại đội	Trung đội	Tiểu đội	Khẩu đội	Tổ	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị	Quân số	Đơn vị
Cấp tỉnh	172	4																								
Đại đội Pháo 37m-1	112	2									112	2														
Đại đội Pháo 85mm	60	2										60	2													
Cấp huyện	1,440	9	27	9																						
Đại đội	792	9						792	9																	
Trung đội	567		27								279	9	288	18												
Tiểu đội (khẩu đội)	81			9					81	9																
Cấp xã	10,264		94	670	94	470																				
Trung đội	2,632		94					2,632	94																	
Tiểu đội (khẩu đội)	6,222			670	94				1,089	129					282	94										
Tổ	1,410					470										282	94	282	94	282	94	282	94	282	94	

Đơn vị DQTV	Thành phần lực lượng DQTV																			
	Tổng số				Thành phần lực lượng DQTV												Y tế			
	Đơn vị	Đội	Trung đội	Khẩu đội	Tổ	Tại chỗ	Cơ động	Thường trực	Phòng không	Pháo Bình	Công binh	Thông tin	Trình sát	Phòng hóa	Đơn vị	Đơn vị				
Cơ quan, tổ chức; đơn vị tự vệ	2,573	44	149																	
Trung đội	1,232	44			1,232	44														
Tiểu đội	1,341		149		1,341	149														
Tổng cộng	14,449	13	165	94	470	732	3,424	103	1,170	138	391	11	630	114	282	94	282	94	282	94

* Ghi chú: 02 Đại đội DQTT cấp tỉnh (quân số 176 đ/c) sử dụng lực lượng dân quân thường trực của cấp xã khi huy động tập trung huấn luyện nâng cao tại tỉnh để sẵn sàng xử trí các tình huống trên địa bàn (Tân Châu= 22đ/c; Tân Biên= 20đ/c; Châu Thành= 22đ/c; Bến Cầu= 18đ/c; Trảng Bàng= 20đ/c; Gò Dầu= 18đ/c; Dương Minh Châu= 22đ/c; Hòa Thành= 16đ/c; TP.Tây Ninh= 20đ/c).

Phụ lục II
TỔ CHỨC BIÊN CHẾ ĐƠN VỊ DỌT V THƯỜNG TRỰC, CƠ ĐONG,
TẠI CHỖ, CÔNG BINH, THÔNG TIN, TRÌNH SÁT, PHÒNG HÓA, Y TẾ
(Kèm theo Đề án số 120/ĐA-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị	Tổ chức	Biên chế					
		Cán bộ đại đội	Trung đội trưởng	Tiểu đội trưởng	Tổ trưởng	Chiến sỹ	Tổng số
Tổ	01 tổ				1	2	3
Tiểu đội	03 tổ			1	2	6	9
Trung đội	03 tiểu đội		1	3	6	18	28
Đại đội	03 trung đội	4	3	9	18	54	88

Phụ lục III

TỔ CHỨC BIÊN CHẾ ĐƠN VỊ DQTV SÚNG MÁY PHÒNG KHÔNG 12,7 mm

(Kèm theo Đề án số 1720/ĐA-UBND ngày 02/6/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị	Tổ chức	Biên chế			
		Trung đội trưởng	Khẩu đội trưởng	Chiến sĩ	Tổng số
Khẩu đội			1	9	10
Trung đội	03 khẩu đội	1	3	27	31

Phụ lục IV

TỔ CHỨC BIÊN CHẾ ĐƠN VỊ DQTV PHÁO PHÒNG KHÔNG 37mm-1; PHÁO BÌNH 85mm

(Kèm theo Đề án số 1720/ĐA-UBND ngày 02/5/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)

a) DQTV pháo phòng không 37mm-1

Đơn vị	Tổ chức	Biên chế					Tổng số
		Chỉ huy Đại đội	Trung đội trưởng	Khẩu đội trưởng		Tiêu đội trưởng thông tin	
				Khẩu đội trưởng	Chiến sĩ		
Khẩu đội				1	6		7
Trung đội	03 khẩu đội		1	3	18		22
Đại đội	02 trung đội	4	2	6	36	1	7

b) DQTV pháo 85mm

Đơn vị	Tổ chức	Biên chế				Tổng số
		Chỉ huy Đại đội	Trung đội trưởng	Khẩu đội trưởng	Chiến sĩ	
Khẩu đội				1	5	6
Trung đội	02 khẩu đội		1	2	10	13
Đại đội	02 trung đội	4	2	4	20	30

Phụ lục V

TỜ CHỨC BIÊN CHẾ ĐƠN VỊ DQTV CỐI 60mm, CỐI 82mm, ĐKZ 82mm

(Kèm theo Đề án số 1720 /ĐA-UBND ngày 02 / 6 /2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)

a) DQTV cối 60mm

Đơn vị	Biên chế			Tổng số
	Khẩu đội trưởng	Chiến sĩ		
Khẩu đội	1	2		3

b) DQTV cối 82mm

Đơn vị	Tổ chức	Biên chế			Tổng số
		Trung đội trưởng	Khẩu đội trưởng	Chiến sĩ	
Khẩu đội			1	5	6
Trung đội	02 khẩu đội	1	2	10	13

c) DQTV ĐKZ 82mm

Đơn vị	Tổ chức	Biên chế				Tổng số
		Trung đội trưởng	Khẩu đội trưởng	Chiến sĩ		
Khẩu đội			1	5	6	
Trung đội	03 khẩu đội	1	3	15	19	

Phụ lục VI
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG THIẾT BỊ LÀM VIỆC CỦA BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CẤP XÃ
CHỐT DÂN QUÂN THƯỜNG TRỰC BIÊN GIỚI, TIÊU ĐỘI ĐỢT TRONG KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP
(Kèm theo Đề án số.1120..ĐA-UBND ngày: 02/6./2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)

1. Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bàn ghế giao ban, hội họp	Bộ	01	
2	Bàn ghế làm việc cá nhân	Bộ	01/người	Mỗi chức vụ chỉ huy trang bị 01 bộ
3	Máy vi tính, máy in	Bộ	01/người	Trang bị cho Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng
4	Tủ sắt đựng vũ khí	Chiếc	02	
5	Tủ đựng công cụ hỗ trợ	Chiếc	02	
6	Tủ đựng trang phục Dân quân tự vệ dùng chung	Chiếc	03	
7	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	01/người	Mỗi chức vụ chỉ huy trang bị 01 chiếc
8	Kết sắt đựng tài liệu mật	Chiếc	01	Trang bị cho Chỉ huy trưởng
9	Biển tên trụ sở Ban chỉ huy quân sự	Chiếc	01	
10	Biển tên phòng làm việc	Chiếc	01	
11	Bảng chức trách, nhiệm vụ của từng chức danh	Chiếc	01/người	Mỗi chức vụ chỉ huy trang bị 01 chiếc

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
12	Biên tên chức danh Ban chỉ huy quân sự để bàn	Chiếc	01/người	Mỗi chức vụ chỉ huy trang bị 01 chiếc
13	Bảng lịch công tác	Chiếc	01/người	Mỗi chức vụ chỉ huy trang bị 01 chiếc
14	Điện thoại cố định	Chiếc	01/người	Mỗi chức vụ chỉ huy trang bị 01 chiếc
15	Trang thiết bị khác phục vụ chuyên ngành quân sự			Theo yêu cầu nhiệm vụ

2. Chốt Dân quân thường trực biên giới, tiểu đội DQTT trong khu, cụm công nghiệp

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bàn ghế giao ban, hội họp	Bộ	01	
2	Bàn ghế làm việc cá nhân	Bộ	01	
3	Máy vi tính, máy in	Bộ	01	
4	Tủ đựng công cụ hỗ trợ	Chiếc	01	
5	Tủ đựng trang phục Dân quân tự vệ dùng chung	Chiếc	01	
6	Bảng lịch công tác	Chiếc	01	
7	Thông tin liên lạc, quan sát	Bộ	01	

Phụ lục VII
TIÊU CHUẨN TRANG PHỤC, SAO MŨ, PHỤ HIỆU DÂN QUÂN TỰ VỆ
(Kèm theo Đề án số 120../ĐA-UBND ngày 02../6../2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh)

I. DANH MỤC TRANG PHỤC

1. Trang phục cá nhân

TT	Tên trang phục	TT	Tên trang phục
1	Sao mũ cứng	21	Áo ấm chiến sĩ nữ
2	Sao mũ mềm	22	Cravat
3	Mũ cứng	23	Dây lưng
4	Mũ mềm	24	Bít tất
5	Phụ hiệu tay áo	25	Giày da đen nam
6	Áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nam	26	Giày da đen nữ
7	Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nam	27	Giày vải thấp cổ
8	Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nam	28	Giày vải cao cổ
9	Áo đông mặc ngoài chỉ huy Dân quân tự vệ nữ	29	Quần, áo đi mưa
10	Áo đông mặc trong chỉ huy Dân quân tự vệ nữ	30	Áo mưa chiến sĩ
11	Quần đông chỉ huy Dân quân tự vệ nữ	31	Màn tyn đơn dân quân thường trực
12	Áo hè chỉ huy Dân quân tự vệ nam	32	Chiều cối đơn dân quân thường trực

TT	Tên trang phục	TT	Tên trang phục
13	Quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nam	33	Chăn đơn dân quân thường trực
14	Áo hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nữ	34	Đệm giường dân quân thường trực
15	Quần hệ chỉ huy Dân quân tự vệ nữ	35	Gối dân quân thường trực
16	Áo chiến sĩ nam	36	Ba lô dân quân thường trực
17	Quần chiến sĩ nam	37	Quần lót dân quân thường trực
18	Áo chiến sĩ nữ	38	Áo lót dân quân thường trực
19	Quần chiến sĩ nữ	39	Khăn mặt dân quân thường trực
20	Áo ấm chiến sĩ nam		

2. Trang phục dùng chung (trừ dân quân thường trực)

- Màn tuyen đơn.
- Chiếu cói đơn.
- Chăn đơn.
- Áo ấm nam.
- Áo ấm nữ.

II. TIÊU CHUẨN, NIÊN HẠN CẤP PHÁT TRANG PHỤC DÂN QUÂN TỰ VỆ

I. Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, các chức vụ chỉ huy đơn vị DQTV cơ động được cấp phát năm đầu gồm: 01 sao mũ cứng, 01 sao mũ mềm, 01 mũ cứng, 01 mũ mềm, 01 bộ quần áo đồng, 01 bộ quần áo, 01 caravat, 01 dây lưng, 02 đôi bút tất, 01 đôi giày da đen, 01 đôi giày vải thấp cổ, 01 bộ quần, áo đi mưa. Niên hạn cấp phát những năm tiếp theo như sau:

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn
1	Sao mũ cứng	Cái	01	02 năm
2	Sao mũ mềm	Cái	01	02 năm
3	Mũ mềm	Cái	01	02 năm
4	Mũ cứng	Cái	01	02 năm
5	Quần áo đông hoặc hè ⁽¹⁾	Bộ	01	01 năm
6	Cravat	Cái	01	02 năm
7	Dây lưng	Cái	01	02 năm
8	Bit tất	Đôi	02	01 năm
9	Giày da đen	Đôi	01	02 năm
10	Giày vải thấp cổ hoặc cao cổ	Đôi	01	01 năm
11	Quần, áo đi mưa	Bộ	01	03 năm

2. Các chức vụ chỉ huy dân quân thường trực từ trung đội trưởng trở lên được cấp phát năm đầu gồm: 01 sao mũ cứng, 01 sao mũ mềm, 01 mũ cứng, 01 mũ mềm, 01 bộ quần áo đông, 01 bộ quần áo, 01 caravat, 01 dây lưng, 02 đôi bit tất, 01 đôi giày da đen, 01 đôi giày vải thấp cổ, 01 bộ quần, áo đi mưa, 01 chăn, 01 màn, 01 gối, 01 chiếu, 01 đệm giường, 01 ba lô. Niên hạn cấp phát những năm tiếp theo như sau:

STT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn
1	Sao mũ cứng	Cái	01	02 năm
2	Sao mũ mềm	Cái	01	02 năm

STT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn
3	Mũ cứng	Cái	01	02 năm
4	Mũ mềm	Cái	01	02 năm
5	Quần áo đông hoặc hè (2)	Bộ	01	01 năm
6	Quần lót	Cái	02	01 năm
7	Áo lót	Cái	02	01 năm
8	Khăn mặt	Cái	02	01 năm
9	Cravat	Cái	01	02 năm
10	Dây lưng	Cái	01	02 năm
11	Bít tất	Đôi	02	01 năm
12	Giày da đen	Đôi	01	01 năm
13	Giày vải thấp cổ hoặc cao cổ	Đôi	01	01 năm
14	Quần, áo đi mưa	Bộ	01	03 năm
15	Chăn	Cái	01	02 năm
16	Màn	Cái	01	02 năm
17	Gối	Cái	01	02 năm
18	Chiều	Cái	01	02 năm
19	Đệm giường	Cái	01	01 năm
20	Ba lô	Chiếc	01	04 năm

3. Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; Chính trị viên, Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, ấp, khu đội trưởng, chỉ huy đơn vị DQTV từ trung đội trưởng trở lên (trừ các chức vụ chỉ huy đơn vị dân quân thường trực, cơ động) được cấp phát năm đầu gồm: 01 sao mũ cứng, 01 sao mũ mềm, 01 mũ cứng, 01 mũ mềm, 01 bộ quần áo đông, 01 bộ quần áo, 01 caravat, 01 dây lưng, 02 đôi bít tất, 01 đôi giày da đen, 01 đôi giày vải thấp cổ, 01 bộ quần, áo đi mưa. Niên hạn cấp phát những năm tiếp theo như sau:

STT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn
1	Sao mũ cứng	Cái	01	03 năm
2	Sao mũ mềm	Cái	01	03 năm
3	Mũ cứng	Cái	01	03 năm
4	Mũ mềm	Cái	01	03 năm
5	Quần áo đông hoặc hè nam, nữ ⁽³⁾	Bộ	01	02 năm
6	Cravat	Cái	01	03 năm
7	Dây lưng	Cái	01	03 năm
8	Bít tất	Đôi	02	01 năm
9	Giày da đen nam	Đôi	01	02 năm
10	Giày da đen nữ	Đôi	01	02 năm
11	Giày vải thấp cổ hoặc cao cổ	Đôi	01	02 năm
12	Quần, áo đi mưa	Bộ	01	03 năm

4. Tiêu đội trưởng, khẩu đội trưởng, chiến sĩ DQTV cơ động được cấp phát năm đầu gồm: 01 sao mũ cứng, 01 sao mũ mềm, 1 mũ cứng, 01 mũ mềm, 02 bộ quần áo chiến sĩ, 01 dây lưng, 02 đôi bít tất, 1 đôi giày vải cao cổ, 01 áo đi mưa. Niên hạn cấp phát những năm tiếp theo như sau:

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn
1	Sao mũ cứng	Cái	01	02 năm
2	Sao mũ mềm	Cái	01	02 năm
3	Mũ cứng	Cái	01	02 năm
4	Mũ mềm	Cái	01	02 năm
5	Quần áo chiến sĩ ⁽⁴⁾	Bộ	01	01 năm
6	Dây lưng	Cái	01	02 năm
7	Bít tất	Đôi	02	01 năm
8	Giày vải cao cổ	Đôi	01	01 năm
9	Áo đi mưa chiến sĩ	Cái	01	03 năm

5. Tiểu đội trưởng, chiến sĩ dân quân thường trực được cấp phát năm đầu gồm: 01 sao mũ cứng, 01 sao mũ mềm, 01 mũ cứng, 01 mũ mềm, 02 bộ quần, áo chiến sĩ, 02 quần lót, 02 áo lót, 02 khăn mặt, 01 dây lưng, 2 đôi bít tất, 02 đôi giày vải cao cổ, 01 áo đi mưa, 01 chăn, 01 màn, 01 gối, 01 chiếu, 01 đệm giường, 01 ba lô. Niên hạn cấp phát những năm tiếp theo như sau:

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn
1	Sao mũ cứng	Cái	01	02 năm
2	Sao mũ mềm	Cái	01	02 năm
3	Mũ cứng	Cái	01	02 năm
4	Mũ mềm	Cái	01	02 năm

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn
5	Quần áo chiến sĩ (5)	Bộ	01	06 tháng
6	Quần lót	Cái	02	01 năm
7	Áo lót	Cái	02	01 năm
8	Khăn mặt	Cái	02	01 năm
9	Áo ấm	Cái	01	01 năm
10	Dây lưng	Cái	01	02 năm
11	Bít tất	Đôi	02	01 năm
12	Giày vải cao cổ	Đôi	02	01 năm
13	Áo mưa chiến sĩ	Cái	01	02 năm
14	Chăn	Cái	01	02 năm
15	Màn	Cái	01	02 năm
16	Gối	Cái	01	02 năm
17	Chiều	Cái	01	01 năm
18	Đệm giường	Cái	01	04 năm
19	Ba lô	Chiếc	01	04 năm

6. Tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng, chiến sĩ DQTV tại chỗ, phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế được cấp phát năm đầu gồm: 01 sao mũ cứng, 01 sao mũ mềm, 1 mũ cứng, 01 mũ mềm, 02 bộ quần áo chiến sĩ, 01 dây lưng, 02 đôi bít tất, 1 đôi giày vải cao cổ, 01 áo đi mưa. Niên hạn cấp phát những năm tiếp theo như sau:

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn
1	Sao mũ cứng	Cái	01	03 năm
2	Sao mũ mềm	Cái	01	03 năm
3	Mũ cứng	Cái	01	03 năm
4	Mũ mềm	Cái	01	03 năm
5	Quần áo đông hoặc hè chiến sĩ nam, nữ ⁽⁶⁾	Bộ	02	02 năm
6	Dây lưng	Cái	01	02 năm
7	Bít tất	Đôi	02	02 năm
8	Giày vải	Đôi	01	02 năm
9	Áo mưa chiến sĩ	Cái	01	03 năm